PIN LƯU TRỮ ÁP THẤP

Skyworth Max LV 16 kWh

Max LV · 314 Ah

LiFePO4 • 51,2 V DC • IP20



Điện áp và năng lượng	
Điện áp danh định	**51,2 V DC**
Dải điện áp làm việc	**40–58,4 V DC**
Dung lượng danh định	**314 Ah**
Năng lượng định mức	**16,076 kWh**
Năng lượng sử dụng	**15,27 kWh**
Điều kiện đo năng lượng sử dụng	**DoD 95% · 0,5 C**
Hóa học cell	**LiFePO4**

Sạc, xả và giao tiếp	
Dòng sạc / xả định mức	**150 A / 150 A**
Dòng sạc / xả tối đa	**170 A / 170 A**
Giao tiếp biến tần	**CAN / RS485**
Thiết bị giám sát không dây	**Wi-Fi dongle**
Cân bằng cell	**Thụ động**
Hiển thị trạng thái và SOC	**Dải chỉ báo màu**
Ghép song song theo tài liệu	**Tối đa 4 bộ**

Vỏ và lắp đặt	
Kích thước (rộng × cao × sâu)	**610 × 833 × 270 mm**
Khối lượng	**Xấp xỉ 125 kg**
Cấp bảo vệ vỏ	**IP20**
Kiểu lắp	**Đặt sàn, bánh xe khóa**
Làm mát	**Tự nhiên**
Độ cao vận hành tối đa	**3.000 m**

Môi trường và bảo hành	
Nhiệt độ sạc	**0 đến 55 °C**
Nhiệt độ xả	**-20 đến 60 °C**
Nhiệt độ lưu kho	**-20 đến 45 °C**
Độ ẩm vận hành	**5–95%**
Chu kỳ theo điều kiện hãng	**≥ 8.000**
Bảo hành công bố	**10 năm**

Đối chiếu trước khi chọn cấu hình

15,27 kWh là năng lượng sử dụng ở DoD 95% và 0,5 C theo công bố.
Tuổi thọ chu kỳ đo ở 25 °C, 0,5 C, dung lượng cuối vòng đời (EOL) 70%.
Kích thước đã gồm bánh xe. Đặt trên nền chịu lực, ở nơi khô thoáng trong nhà.
Đối chiếu giao thức BMS, dòng sạc/xả và điều kiện ghép theo hướng dẫn model.
Kiểm tra phụ kiện Wi-Fi, phiếu bảo hành và serial theo lô giao.

Nguồn thông số và ảnh

Skyworth Energy Storage • LV MAX 314 Ah/16 kWh, bản 250630, trang 1–2. Ảnh từ dataset.

Xem SP0313 trên Kha Solar